

Ngày 30/09/2025	91,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.0%	-2.9%	2.0%

	Q3/25	
ROE	49.5%	+/- YoY ▲ 14.7%

	Q3/25		
DT thuần	507	QoQ ▲ 29.0%	YoY ▼ 120
	tỷ VNĐ	▲ 6.0%	▼ 19.2%

	9T 2025	
DT thuần	1,421	YoY ▲ 128
	tỷ VNĐ	▲ 9.9%

	Q3/25		
LN gộp	130	QoQ ▲ 29.0%	YoY ▲ 17.0%
	tỷ VNĐ	▲ 29.2%	▲ 15.5%

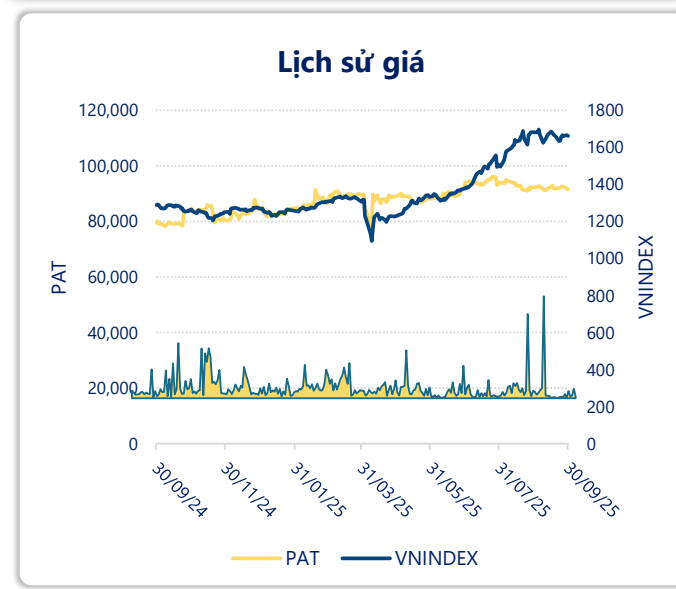
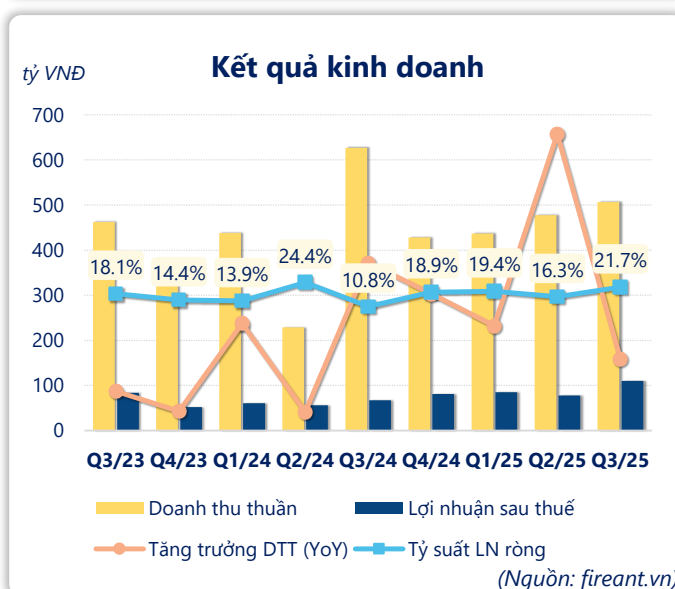
	9T 2025	
LN gộp	347	YoY ▲ 88.0
	tỷ VNĐ	▲ 34.1%

	Q3/25		
LN thuần	116	QoQ ▲ 33.1%	YoY ▲ 45.0%
	tỷ VNĐ	▲ 40.3%	▲ 63.8%

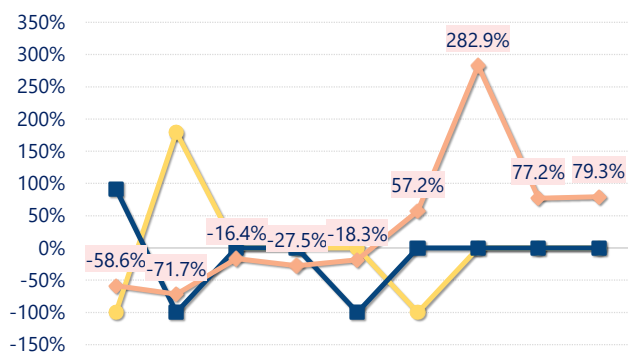
	9T 2025	
LN thuần	296	YoY ▲ 102
	tỷ VNĐ	▲ 52.9%

	Q3/25		
LN sau thuế	110	QoQ ▲ 32.4%	YoY ▲ 42.6%
	tỷ VNĐ	▲ 41.7%	▲ 63.2%

	9T 2025	
LN sau thuế	272	YoY ▲ 88.0
	tỷ VNĐ	▲ 48.1%



Tăng trưởng lợi nhuận

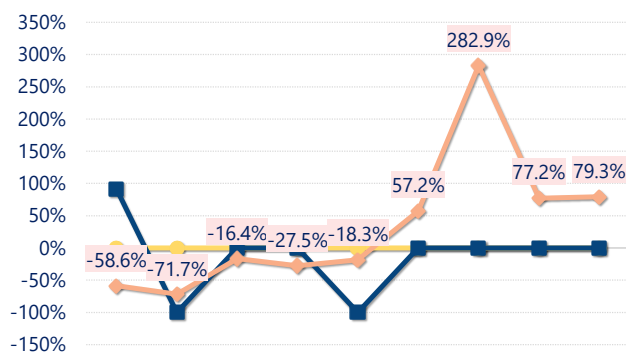


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

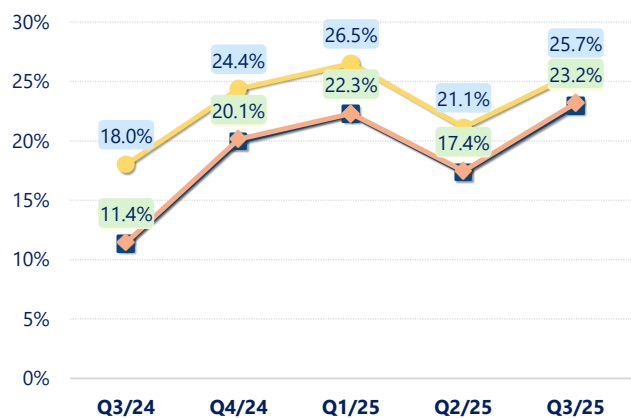


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

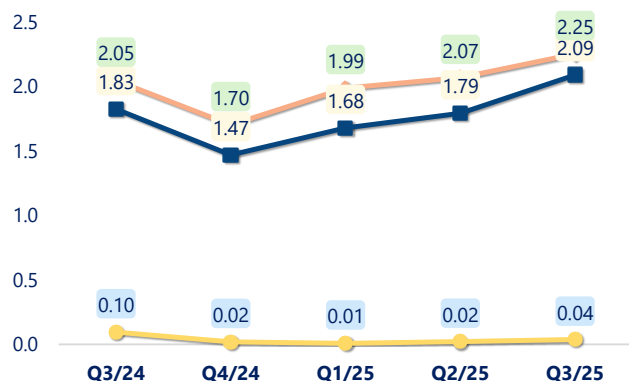


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

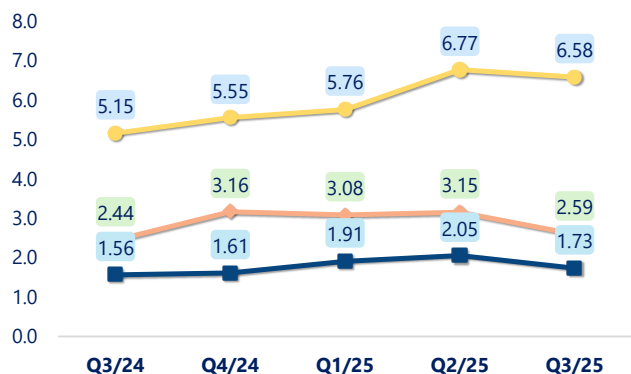


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

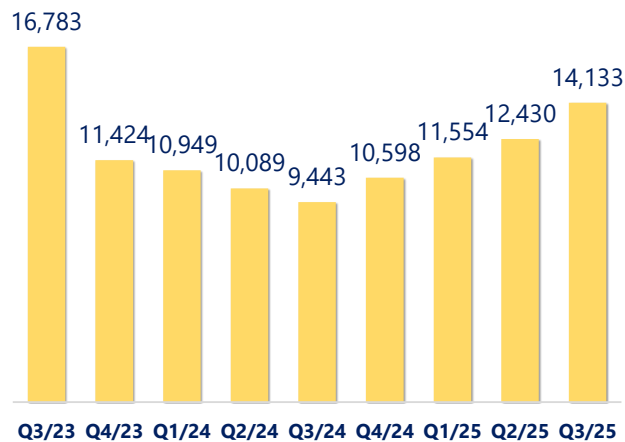


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	507	627	-19.2%	1,421	1,293	9.9%
Giá vốn hàng bán	376	514	-26.8%	1,074	1,034	3.8%
Lợi nhuận gộp	130	113	15.5%	347	259	34.1%
Doanh thu HĐTC	13.8	10.6	30.4%	34.7	36.8	-5.5%
Chi phí TC	3.33	7.24	-54.0%	9.60	16.2	-40.7%
Chi phí lãi vay	1.03	0.65	58.9%	1.76	3.49	-49.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	20.6	41.6	-50.6%	63.2	74.4	-15.1%
Chi phí QLDN	4.13	3.72	11.1%	12.9	11.2	14.8%
LN thuần từ HĐKD	116	71.0	63.8%	296	194	52.9%
Lợi nhuận khác	0.19	0.00		0.19	0	
LN trước thuế	116	71.0	64.0%	296	194	53.0%
Lợi nhuận sau thuế	110	67.4	63.2%	272	184	48.1%
LNST của CĐ cty mẹ	110	67.4	63.2%	272	184	48.1%

(Nguồn: fireant.vn)

